

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và
các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 7 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 7 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Phó Chủ tịch
Ông Madhur Maini	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 82. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và các kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo Kiểm toán số: 12-01-809



Chang Hung Chün

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.221.223	12.541.434	2.643.573	2.291.494
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	5.718.717	9.573.593	2.160.026	1.510.736
Tiền	111		151.205	175.717	9.484	23.284
Các khoản tương đương tiền	112		5.567.512	9.397.876	2.150.542	1.487.452
Đầu tư ngắn hạn	120	12	1.840.500	1.222.500	68.000	373.000
Các khoản phải thu	130	7	942.881	903.317	376.179	387.496
Phải thu khách hàng	131		121.300	193.615	-	-
Trả trước cho người bán	132		475.436	363.633	117.773	57.977
Phải thu khác	135		346.523	347.153	258.406	329.519
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(378)	(1.084)	-	-
Hàng tồn kho	140	8	563.855	612.845	-	-
Hàng tồn kho	141		575.846	625.746	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.991)	(12.901)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		155.270	229.179	39.368	20.262
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.492	129.695	496	1.391
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		105.858	55.418	30.243	17.739
Thuế và các khoản khác phải thu						
Nhà nước	154		-	103	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		21.920	43.963	8.629	1.132

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		29.478.033	21.031.185	23.197.560	22.289.000
Các khoản phải thu – dài hạn	210	7	23.158	-	1.658.406	2.762.294
Phải thu khác	218		23.158	-	1.658.406	2.762.294
Tài sản cố định	220		17.728.751	11.287.505	84.437	19.201
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.547.311	879.199	11.707	14.317
Nguyên giá	222		2.040.428	1.196.701	17.698	16.519
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(493.117)	(317.502)	(5.991)	(2.202)
Tài sản cố định vô hình	227	10	863.516	983.239	1.102	1.316
Nguyên giá	228		1.028.783	1.021.469	1.566	1.451
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(165.267)	(38.230)	(464)	(135)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	15.317.924	9.425.067	71.628	3.568
Đầu tư dài hạn	250	12	11.313.619	9.321.085	21.423.058	19.490.421
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	12.490.634	10.557.997
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		10.948.119	9.321.085	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		365.500	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		412.505	422.595	31.659	17.084
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	97.060	88.066	21.346	7.400
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	36.035	24.798	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		30.778	32.626	10.313	9.684
Lợi thế thương mại	269	15	248.632	277.105	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.699.256	33.572.619	25.841.133	24.580.494

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		18.994.871	12.017.587	10.020.279	6.821.280
Nợ ngắn hạn	310		4.748.364	3.625.783	473.329	3.237.125
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.793.384	2.032.397	-	2.630.000
Phải trả người bán	312		973.856	422.772	1.854	523
Người mua trả tiền trước	313		14.490	7.994	-	-
Thuế và các khoản phải nộp						
Nhà nước	314	17	608.893	291.359	-	5.193
Phải trả người lao động	315		12.480	12.618	-	-
Chi phí phải trả	316	18	1.300.931	824.384	471.475	339.697
Phải trả khác	319	19	44.330	34.259	-	261.712
Vay và nợ dài hạn	330		14.246.507	8.391.804	9.546.950	3.584.155
Nợ dài hạn khác	333	19	737.832	-	2.170.428	256.195
Vay và nợ dài hạn	334	20	12.647.177	7.409.781	7.376.522	3.327.960
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	860.117	973.459	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	1.381	8.564	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		13.883.837	15.875.652	15.820.854	17.759.214
Vốn chủ sở hữu	410		13.883.837	15.875.652	15.820.854	17.759.214
Vốn cổ phần	411	23	6.872.801	5.152.723	6.872.801	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	7.999.167	2.166.136	7.999.167	2.166.136
Vốn khác của chủ sở hữu	413	24	1.721.824	10.462.804	1.721.824	10.462.804
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(16.128)	(16.066)	-	-
Vốn khác	418	12	(8.619.479)	(6.569.981)	(530.235)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.925.652	4.680.036	(242.703)	(22.449)
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5.820.548	5.679.380	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		38.699.256	33.572.619	25.841.133	24.580.494

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

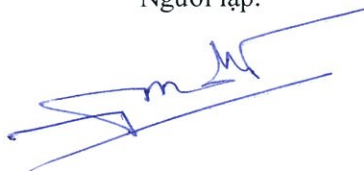
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 có các đơn vị tiền tệ khác VND là:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ:				
USD	168.860.335	110.370.528	66.367.554	9.590.493
EUR	4.947	1.284.391	-	-

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2012	2011	2012	2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	25	10.575.249	7.239.003	-	-
Các khoản giảm trừ	02	25	185.835	182.154	-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	10.389.414	7.056.849	-	-
Giá vốn hàng bán	11	26	6.178.926	3.997.834	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		4.210.488	3.059.015	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	809.824	1.185.206	1.221.639	645.584
Chi phí tài chính	22	28	309.385	347.725	1.325.744	717.657
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>279.176</i>	<i>316.251</i>	<i>955.620</i>	<i>579.291</i>
Chi phí bán hàng	24		1.325.121	1.010.149	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		727.529	406.374	258.602	150.487
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.658.277	2.479.973	(362.707)	(222.560)
Thu nhập khác	31	29	214.517	22.169	142.453	-
Chi phí khác	32	30	46.474	26.303	-	73
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		168.043	(4.134)	142.453	(73)
(Lỗ)/lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	31	(337.798)	392.733	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		2.488.522	2.868.572	(220.254)	(222.633)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	32	650.509	247.114	-	-
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	32	(124.579)	125.450	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.962.592	2.496.008	(220.254)	(222.633)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

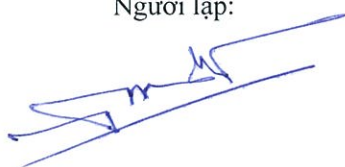
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012 Triệu VND	2011 Triệu VND	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (mang từ trang trước sang)			1.962.592	2.496.008	(220.254)	(222.633)
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		702.074	522.859	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		1.260.518	1.973.149	-	-
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	5	1.776	2.909	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VND	70	5	1.634	2.523	-	-

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2012 Triệu VND	2011 Triệu VND	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.488.522	2.868.572	(220.254)	(222.633)
Điều chỉnh cho						
Khấu hao và phân bổ	02		349.906	142.120	10.797	5.112
Các khoản dự phòng	03		34.492	86.870	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(204)	(16.689)	-	(18.184)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		4.911	5.210	-	-
Thu nhập lãi từ tiền gửi và phí duy trì hạn mức vay	05		(789.189)	(1.124.958)	(1.221.572)	(602.109)
Chi phí lãi vay và phí duy trì hạn mức vay	06		279.176	316.251	1.302.041	701.046
Lỗi/(lợi nhuận) từ các công ty liên kết	07		337.798	(392.733)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.705.412	1.884.643	(128.988)	(136.768)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		169.869	(35.172)	228.653	(136.272)
Biến động hàng tồn kho	10		8.195	(173.878)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		219.840	74.423	(482.637)	23.508
			3.103.316	1.750.016	(382.972)	(249.532)
Tiền lãi vay đã trả	13		(745.684)	(149.650)	(243.736)	(59.020)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(317.354)	(148.616)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.245)	(11.304)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		2.031.033	1.440.446	(626.708)	(308.552)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2012 Triệu VND	2011 Triệu VND	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.785.098)	(2.208.260)	(69.354)	(20.944)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		2.023	2.406	-	-
Khoản vay cấp cho các công ty con	23		-	-	(2.028.000)	(2.136.347)
Tiền thu hồi các khoản vay từ các công ty con	23		-	-	4.028.000	97.651
Khoản vay cấp cho công ty liên quan	23		-	(715.000)	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ công ty liên quan	23		-	715.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(32.720.670)	(46.504.552)	(68.000)	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		31.364.170	46.145.052	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào công ty liên kết	25		(2.015.748)	(1.000.000)	-	(1.000.000)
Tiền thuần chi cho việc mua công ty con	25		-	(808.828)	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con và các đơn vị khác	25		(2.054.692)	-	(1.932.647)	-
Tiền chi cho đầu tư trái phiếu	25		(48.000)	(800.000)	(48.000)	(800.000)
Tiền thu từ bán một công ty con cho một công ty con khác	26		-	-	10	-
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	26		421.000	427.000	421.000	427.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27		764.282	994.340	309.369	196.483
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(10.072.733)	(3.752.842)	612.378	(3.236.157)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012	2011	2012	2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		411.000	-	411.000	-
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiếu số vào các công ty con	31		12.500	5.329.180	-	-
Tiền thu từ phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu	31		2.707.640	-	2.707.640	-
Tiền chi mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	32		(4.634.395)	-	(4.634.395)	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		8.749.029	5.215.862	2.200.000	4.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.009.517)	(2.092.857)	-	-
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	36		(20.625)	-	(20.625)	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiếu số của một công ty con	36		(25.988)	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		4.189.644	8.452.185	663.620	4.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(3.852.056)	6.139.789	649.290	455.291
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		9.573.593	3.394.575	1.510.736	1.037.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(2.820)	39.229	-	18.184
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	5.718.717	9.573.593	2.160.026	1.510.736

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp
– tiếp theo)

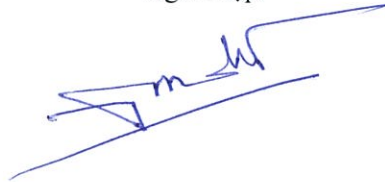
Mẫu B 03 – DN

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tăng khoản đầu tư thông qua việc phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	811.091	-	811.091
Chi phí giao dịch cần trừ với tiền thu từ khoản vay tương ứng	-	164.944	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi các khoản vay	796.524	-	796.524	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi các vốn khác của chủ sở hữu	6.358.644	-	6.358.644	-
Chuyển lãi vay thành khoản vay	43.332	-	-	-

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan)	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến)	Sản xuất nước chấm	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San HD)	Sản xuất mì ăn liền	80,8%	76,5%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	76,4%	72,3%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt)	Sản xuất bao bì	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ (**)	Tư vấn quản lý	80,8%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2012	31/12/2011
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	43%	38,4%
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	65%	65%

(*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược không được sở hữu bởi Công ty nhưng Công ty được ủy quyền 100% quyền bỏ phiếu và tất cả các lợi ích kinh tế liên quan đến quyền sở hữu trong các công ty này. Do đó, Công ty có quyền kiểm soát các công ty này.

(**) Trong năm, Công ty đã mua Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ (“HMG”) và sử dụng như một công cụ đầu tư để mua 40% lợi ích của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc (“Proconco”) mà trước đó được giữ bởi hai quỹ đầu tư là Prudential Vietnam Assurance Private Limited và PCA International Funds SPC. Tổng giá trị giao dịch là 2.028.010 triệu VND trong đó 10 triệu VND là vốn chủ sở hữu HMG và 2.028.000 triệu VND cho HMG vay để mua Proconco. Sau đó, vốn chủ sở hữu cùng khoản vay của HMG được chuyển giao bằng giá gốc cho Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, một công ty con của Công ty. Kết quả là, HMG trở thành công ty con và sở hữu khoản nợ vay trên đối với Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (xem Thuyết minh 12(a)).

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 41 nhân viên (31/12/2011: 41 nhân viên) và Tập đoàn có 5.832 nhân viên (31/12/2011: 5.555 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam và làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Khi sự thay đổi quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phân chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5 - 25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

(iii) Thương hiệu

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(iv) Quan hệ khách hàng

Mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phân lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn tất công tác triển khai, mà thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(iv) Chi phí vay

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

(v) Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo thời gian hữu dụng trong vòng hai năm.

(vi) Phí nâng cấp trang web

Phí nâng cấp trang web được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Tập đoàn và Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn và Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn và Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn và Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) *Vốn khác*

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(x) Chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

4. Báo cáo chia theo bộ phận kinh doanh

Tập đoàn có bốn (4) bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này đem đến các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Hội đồng Quản trị của Tập đoàn soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Thực phẩm và đồ uống
- Khai thác khoáng sản

Tập đoàn cũng đầu tư và có ảnh hưởng đáng kể đối với một ngân hàng cổ phần và Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem các dịch vụ Tài chính là một bộ phận kinh doanh riêng. Trong năm Tập đoàn cũng đầu tư và có ảnh hưởng đáng kể đến một tập đoàn vận hành các nhà máy thức ăn gia súc và cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng cho động vật. Tập đoàn xem Dinh dưỡng động vật là một bộ phận kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Báo cáo theo bộ phận kinh doanh

	Thực phẩm và đồ uống		Dinh dưỡng động vật		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu của bộ phận	10.389.414	7.056.849	-	-	-	-	-	-	10.389.414	7.056.849
Lợi nhuận gộp của bộ phận	4.210.488	3.059.015	-	-	-	-	-	-	4.210.488	3.059.015
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.733.282	2.158.106	2.555	-	113.099	262.477	(340.353)	392.733	2.508.583	2.813.316
Chi phí không phân bổ									(258.446)	(150.487)
Doanh thu hoạt động tài chính									232.753	388.892
Chi phí tài chính									(162.411)	(179.015)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm lợi nhuận từ công ty liên kết)									2.320.479	2.872.706
Thu nhập khác									214.517	22.169
Chi phí khác									(46.474)	(26.303)
Chi phí thuế thu nhập									(525.930)	(372.564)
Lợi nhuận thuần									1.962.592	2.496.008

Khoản lợi nhuận kế toán từ bộ phận Dinh dưỡng động vật của Tập đoàn đến từ việc phân bổ giá mua và lợi thế thương mại. Nếu những khoản phân bổ này được cộng ngược lại thì khoản lợi nhuận kế toán của bộ phận này sẽ là 89.775 triệu VND

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Thực phẩm và đồ uống		Dinh dưỡng động vật		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản của bộ phận	9.816.942	9.387.054	1.967.387	-	15.220.632	12.570.448	8.980.732	9.321.085	35.985.693	31.278.587
Tài sản không phân bổ									2.713.563	2.294.032
Tổng tài sản									38.699.256	33.572.619
Nợ phải trả của bộ phận	5.734.363	4.967.970	-	-	4.954.500	918.720	-	-	10.688.863	5.886.690
Nợ phải trả không phân bổ									8.306.008	6.130.897
Tổng nợ phải trả									18.994.871	12.017.587
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi tiêu vốn	861.222	558.495	-	-	4.854.522	1.628.630	-	-	5.715.744	2.187.125
Khấu hao	175.994	102.000	-	-	10.376	1.829	-	-	186.370	103.829
Khấu hao tài sản cố định vô hình và lợi thế thương mại	153.068	29.267	-	-	2.113	576	-	-	155.181	29.843

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 1.260.518 triệu VND (2011: 1.973.149 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 709.729.864 cổ phiếu (2011: 678.369.685 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.260.518	1.973.149

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	515.272.269	515.272.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền	23.533.973	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi	17.552.330	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho vốn khác của chủ sở hữu	96.463.766	-
Ảnh hưởng của việc mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	25.235.234	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	31.672.292	152.579.160
Ảnh hưởng của các công cụ vốn phát hành để mua thêm lợi ích trong một công ty liên kết	-	10.518.256
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối năm	709.729.864	678.369.685

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm phát sinh từ quyền chọn mua và khoản vay có thể chuyển đổi.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	1.260.518	1.973.149
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số, sau thuế	30.687	14.510
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (suy giảm)	1.291.205	1.987.659
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Lợi nhuận thuần suy giảm phân bổ cho cổ đông có bao gồm lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông thiểu số.

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2012	2011
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	709.729.864	678.369.685
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi của các khoản vay có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu	80.269.845	109.586.687
	<hr/>	<hr/>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)	789.999.709	787.956.372
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	4.652	2.804	2.797	432
Tiền gửi ngân hàng	146.553	172.913	6.687	22.852
Các khoản tương đương tiền	5.567.512	9.397.876	2.150.542	1.487.452
	5.718.717	9.573.593	2.160.026	1.510.736

7. Các khoản phải thu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một phần của khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn được thế chấp tại các Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 16).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản trả trước cho người bán là 348.884 triệu VND (31/12/2011: 287.414 triệu VND) liên quan đến chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	206.244	232.399	224.902	266.265
Lãi trích trước phải thu từ:				
• Tiền gửi	82.686	44.022	2.902	4.931
• Đầu tư trái phiếu	-	13.757	-	13.757
Thuế GTGT của nhà thầu nước ngoài	24.257	-	7.345	-
Các dịch vụ phải thu	23.257	44.566	23.257	44.566
Phải thu khác	10.079	12.409	-	-
	346.523	347.153	258.406	329.519
Phải thu dài hạn khác				
Lãi dài hạn phải thu	23.158	-	-	-
Khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	-	-	1.658.406	2.762.294
	23.158	-	1.658.406	2.762.294

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	230.446	142.244	230.446
Cổ tức phải thu từ Proconco – ngắn hạn	64.000	-	-	-
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	1.953	82.658	35.819
Phi thương mại – dài hạn	-	-	1.658.406	2.762.294

Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Ma San và một công con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng, bao gồm:

- (a) Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 12% đến 15% một năm với số tiền là 892.508 triệu VND đối với khoản vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 188 triệu USD và 2.200 tỷ VND, chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2014 và 2016.
- (b) Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và các công ty con có số vốn gốc là 487.500 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2014;
- (c) 278.398 triệu VND liên quan đến lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2014, từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 mà khoản vay này đã được hoàn trả trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Hàng tồn kho

	Tập đoàn	
	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	15.349	31.028
Nguyên vật liệu	396.321	409.748
Công cụ và dụng cụ	26.794	1.152
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.448	64.939
Thành phẩm	48.934	118.879
	<hr/>	<hr/>
	575.846	625.746
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.991)	(12.901)
	<hr/>	<hr/>
	563.855	612.845

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Tập đoàn	
	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	12.901	6.347
Tăng dự phòng trong năm	46.618	86.491
Sử dụng dự phòng trong năm	(41.705)	(79.937)
Hoàn nhập	(5.823)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.991	12.901

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một phần hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp với Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con (xem Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	244.496	21.562	38.917	860.263	31.463	1.196.701
Tăng trong năm	14.908	299	26.275	52.036	8.762	102.280
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	206.216	664	8.144	554.776	84	769.884
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.559)	-	-	(2.120)	-	(8.679)
Thanh lý	(5.919)	-	(938)	(11.018)	(366)	(18.241)
Xóa sổ	(135)	-	(125)	(1.257)	-	(1.517)
Phân loại lại	702	-	(2.861)	2.148	11	-
Số dư cuối năm	453.709	22.525	69.412	1.454.828	39.954	2.040.428
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	35.162	6.157	15.967	246.934	13.282	317.502
Khấu hao trong năm	21.563	5.504	13.704	143.686	5.702	190.159
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(130)	-	-	(1.590)	-	(1.720)
Thanh lý	(2.901)	-	(896)	(7.145)	(365)	(11.307)
Xóa sổ	(135)	-	(125)	(1.257)	-	(1.517)
Phân loại lại	398	-	(1.858)	1.456	4	-
Số dư cuối năm	53.957	11.661	26.792	382.084	18.623	493.117
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	209.334	15.405	22.950	613.329	18.181	879.199
Số dư cuối năm	399.752	10.864	42.620	1.072.744	21.331	1.547.311

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản trị giá 71.270 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 39.221 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 24.138 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 23.946 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 35.556 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 7.914 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 613.304 triệu VND (31/12/2011: 312.378 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty:

	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.896	1.623	16.519
Tăng trong năm	187	992	1.179
Số dư cuối năm	15.083	2.615	17.698
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.830	372	2.202
Khấu hao trong năm	3.158	631	3.789
Số dư cuối năm	4.988	1.003	5.991
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	13.066	1.251	14.317
Số dư cuối năm	10.095	1.612	11.707

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Nhãn hiệu	Quan hệ khách hàng	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	142.625	13.762	544.435	320.647	1.021.469
Tăng trong năm	-	5.410	-	-	5.410
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.732	172	-	-	1.904
Số dư cuối năm	144.357	19.344	544.435	320.647	1.028.783
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.053	6.067	9.422	10.688	38.230
Khấu hao trong năm	3.867	4.534	54.505	64.131	127.037
Số dư cuối năm	15.920	10.601	63.927	74.819	165.267
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	130.572	7.695	535.013	309.959	983.239
Số dư cuối năm	128.437	8.743	480.508	245.828	863.516

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình là tài sản trị giá 1.931 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: Không), những vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 53.659 triệu VND (31/12/2011: 55.088 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty:

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.451
Tăng trong năm	115
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.566
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	135
Khấu hao trong năm	329
	<hr/>
Số dư cuối năm	464
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.316
Số dư cuối năm	1.102
	<hr/> <hr/>

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	9.425.067	7.616.520	3.568	1.569
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	4.273	-	-
Tăng trong năm	6.672.427	2.028.436	68.060	16.895
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(769.884)	(222.070)	-	(14.896)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.904)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.782)	(2.092)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	15.317.924	9.425.067	71.628	3.568
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 1.040.937 triệu VND (2011: 198.437 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Các khoản đầu tư

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	12.490.634	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết (a)	10.948.119	9.321.085	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác (b)	365.500	-	-	-
	11.313.619	9.321.085	21.423.058	19.490.421
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn (c)	-	373.000	-	373.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (c)	1.840.500	849.500	68.000	-
	1.840.500	1.222.500	68.000	373.000

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	10.333.461	8.400.824
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tâm Nhìn Ma San	1.199.373	1.199.373
	12.490.634	10.557.997

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Chi tiết các công ty con được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan)	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến)	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San HD)	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San PQ	261 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt)	Lô III-12-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

(a) Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) (*)	8.980.732	9.321.085	8.932.424	8.932.424
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc Proconco (“Proconco”) (**)	1.967.387	-	-	-
	10.948.119	9.321.085	8.932.424	8.932.424

(*) Vào ngày 4 tháng 9 năm 2012, lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong Techcombank đã suy giảm từ 30,61% còn 30,44% (31/12/2011: 30,61%) do kết quả từ việc phát hành thêm cổ phiếu của Techcombank. Lợi ích kinh tế của Tập đoàn bao gồm 15,68% lợi ích vốn chủ sở hữu trực tiếp và 14,76% trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 10 năm phát hành bởi Techcombank mà Công ty đã đồng ý chuyển đổi một cách bắt buộc và không thể hủy ngang trong thời hạn chuyển đổi, theo các quy định pháp lý và các thông lệ được chấp thuận.

(**) Trong năm, Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ (“HMG”), một công ty con của Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, đã mua 40% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco từ hai công ty quỹ Prudential Vietnam Assurance Private Limited và PCA International Funds SPC. Tập đoàn nắm giữ 32,32% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm từ 11% đến 14% trong năm (31/12/2011: không có).

(c) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm từ 8% đến 12% trong năm (2011: 14%).

(d) Các giao dịch với các công ty con trong năm 2012 – các giao dịch với cổ đông thiểu số

(i) Phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2012, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (“MSC”), một công ty con, đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà Tập đoàn không đăng ký mua	12.500
Tài sản thuần suy giảm	(34.947)
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(22.447)
	<hr/> <hr/>

(ii) Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số trong một công ty con

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2012, Công ty mua lại 4,64% lợi ích kinh tế trong MSC bằng tiền có giá trị là 1.932.637 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(1.932.637)
Tài sản thuần tăng thêm	491.929
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(1.440.708)
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa

Trong năm, lợi ích thực tế của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (“Vinacafe”) tăng từ 38,4% lên 43% do kết quả của các giao dịch mua thêm lợi ích vốn chủ sở hữu với tổng số tiền là 122.044 triệu VND.

Tất cả giao dịch mua thêm được thực hiện thông qua một công ty con, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, và tất cả giao dịch mua được thanh toán bằng tiền.

Việc mua lại dẫn đến các ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(122.044)
Tài sản thuần tăng thêm	48.380
	<hr/>
	(73.664)
Chênh lệch phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	17.556
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(56.108)
	<hr/>

Biến động vốn khác như sau:

	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	(6.569.981)
Giảm lợi ích của đông thiểu số tại MSC	(1.463.155)
Giảm lợi ích của đông thiểu số tại một công ty con của MSC	(56.108)
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(c))	(530.235)
	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	(8.619.479)
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Các giao dịch với các công ty con trong năm 2011

(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San

Vào ngày 7 tháng 4 năm 2011, Kohlberg Kravis Roberts & Co. L.P. (“KKR”) thông qua Công ty MC Holdings II (Cayman) Limited đã mua cổ phiếu mới do Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (“MSC”) phát hành tương đương 10% cổ phần sau khi phát hành với giá trị là 3.327.552 triệu VND.

Cùng với việc phát hành trên, Công ty đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư, trong đó nếu việc định giá vốn chủ sở hữu của MSC căn cứ trên 16 lần của lợi nhuận của năm 2011 không đạt được mức định giá của MSC đã thỏa thuận ban đầu, Công ty sẽ chuyển một số cổ phiếu nhất định của MSC cho nhà đầu tư để đạt được mức định giá thực tế là 16 lần lợi nhuận của năm 2011. Ngoài ra, nếu tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của MSC trong giai đoạn các năm 2011-2013 thấp hơn tỉ lệ sinh lợi nội bộ đã thỏa thuận ở mức 20% bằng tiền VND hoặc 15% bằng tiền USD theo cách chọn lựa của Công ty, Công ty cũng sẽ chuyển giao một số lượng cổ phiếu MSC nhất định thuộc sở hữu Công ty cho nhà đầu tư. Việc điều chỉnh lợi nhuận và điều chỉnh tỉ lệ sinh lợi nội bộ là các xét đoán tiềm tàng.

Trong thời hạn 6 năm kể từ ngày giao dịch có hiệu lực, nếu MSC không hoàn tất việc phát hành chứng khoán ra công chúng, theo quy định trong thỏa thuận, nhà đầu tư sẽ có quyền chọn bán cổ phiếu MSC lấy cổ phiếu của Công ty trong một thời gian nhất định. Nếu nhà đầu tư không thực hiện quyền chọn bán này trong thời hạn hiệu lực, Công ty có thể mua cổ phiếu MSC từ nhà đầu tư trong khoảng thời gian một năm sau khi kết thúc thời hạn của quyền chọn bán bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng 50% vừa bằng tiền và cổ phiếu với giá trị đã được thỏa thuận trước với nhà đầu tư.

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2011, Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRC Limited đã đăng ký mua cổ phiếu mới của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San (“MR”) bằng tiền có giá trị là 100 triệu Đô la Mỹ tương đương 2.059.120 triệu VND. Nhà đầu tư đã sở hữu 20% lợi ích trong MR. Cùng với giao dịch này, Tập đoàn đầu tư 487.500 triệu VND vào MR để mua cổ phiếu phổ thông mới phát hành, tổng hợp lại làm suy giảm lợi ích của Tập đoàn trong MR từ 80% xuống còn 65%. Công ty cũng cấp cho nhà đầu tư quyền bán 20% quyền sở hữu trong MR đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong trường hợp MR chưa được niêm yết trong vòng 4,5 năm sau khi kết thúc giao dịch. Số cổ phiếu phát hành trong trường hợp quyền bán được thực hiện sẽ được căn cứ theo giá giao dịch cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu để cho phép nhà đầu tư thu được tỉ lệ sinh lợi nội bộ hàng năm là 15%, dựa vào số tiền Đô la Mỹ đầu tư.

(f) Hợp đồng hoán đổi ký kết trong năm 2010

Hợp đồng hoán đổi MSC – Cùng với việc mua thêm 16% lợi ích kinh tế của MSC trong năm 2010, Công ty đã ký kết hợp đồng hoán đổi với người bán. Hợp đồng hoán đổi cho phép Công ty nhận từ không triệu đến 2.609.503 triệu đồng tiền mặt trong vòng 3,5 năm dựa trên kết quả hoạt động của MSC từ năm 2011 đến năm 2013. Khoản phải thu từ hợp đồng hoán đổi này dựa trên lợi nhuận và sự tăng trưởng lợi nhuận của MSC và sẽ dao động trong khoản từ 1.538 tỷ VND đến 2.000 tỷ VND. Khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi này là một tài sản tiềm tàng và không được ghi nhận vì việc thu khoản này là không chắc chắn. Trong trường hợp Công ty chấm dứt hợp đồng hoán đổi trước thời hạn, hợp đồng hoán đổi sẽ không có giá trị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đất trả trước	Trục in	Công cụ và dụng cụ	Chi phí vay	Phí bảo hiểm	Phí nâng cấp trang web	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	56.796	2.346	610	3.419	6.720	17.495	680	88.066
Tăng trong năm	-	-	3.377	5.634	20.625	28.123	-	57.759
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	7.782	-	-	-	7.782
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	6.959	-	-	-	6.959
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(1.453)	-	(6.002)	-	(7.455)
Phân bổ trong năm	-	(60)	(3.232)	(6.464)	(6.135)	(39.616)	(544)	(56.051)
Số dư cuối năm	56.796	2.286	755	15.877	21.210	-	136	97.060

Công ty:

	Chi phí vay	Phí nâng cấp trang web	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	6.720	680	7.400
Tăng trong năm	20.625	-	20.625
Phân bổ trong năm	(6.135)	(544)	(6.679)
Số dư cuối năm	21.210	136	21.346

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận*

	Tập đoàn	
	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng phải thu khó đòi	-	206
Chiết khấu hàng bán trích trước	9.133	17.469
Chi phí quảng cáo khuyến mại trích trước	14.193	21.740
Chi phí vận chuyển phải trả	6.677	7.426
Chi phí phải trả khác	4.041	5.519
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.991	3.591
Trừ đi: cần trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(31.153)
	36.035	24.798
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	(751.021)
Tài sản cố định hữu hình	(11.330)	(12.808)
Tài sản cố định vô hình	(97.766)	(106.785)
Phải thu khác	-	(3.533)
Lãi dự thu	-	(130.465)
Trừ đi: cần trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	31.153
	(860.117)	(973.459)
	(824.082)	(948.661)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	31/12/2011	Được ghi nhận vào thu nhập	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng phải thu khó đòi	206	(206)	-
Chiết khấu hàng bán trích trước	17.469	(8.336)	9.133
Chi phí khuyến mãi và quảng cáo trích trước	21.740	(7.547)	14.193
Chi phí vận chuyển phải trả	7.426	(749)	6.677
Chi phí phải trả khác	5.519	(1.478)	4.041
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.591	(1.600)	1.991
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	-	(751.021)
Tài sản cố định hữu hình	(12.808)	1.478	(11.330)
Tài sản cố định vô hình	(106.785)	9.019	(97.766)
Phải thu khác	(3.533)	3.533	-
Lãi dự thu	(130.465)	130.465	-
	(948.661)	124.579	(824.082)

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí phải trả khác	27.768	-	27.768	-
Lỗi tính thuế	102.185	58.760	79.981	53.630
	129.953	58.760	107.750	53.630

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực trong năm năm kể từ năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn và Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Lỗi tính thuế hết hiệu lực trong các năm như sau

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Số lỗi được khấu trừ	
		<u>Tập đoàn</u> Triệu VND	<u>Công ty</u> Triệu VND
2014	Chưa quyết toán	9.000	3.572
2015	Chưa quyết toán	4.700	-
2016	Chưa quyết toán	235.015	210.948
2017	Chưa quyết toán	292.637	216.478
		541.352	430.998

15. Lợi thế thương mại

	<u>Tập đoàn</u> 31/12/2012 Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/Số dư cuối năm	284.728
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.623
Khấu hao trong năm	28.473
Số dư cuối năm	36.096
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	277.105
Số dư cuối năm	248.632

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay ngắn hạn	1.540.393	1.298.728	-	2.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	252.991	733.669	-	630.000
	1.793.384	2.032.397	-	2.630.000

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa/ năm	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay ngắn hạn						
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	8,2%-13%	1.540.393	815.822	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	6,5%	-	1.536	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	15,7%-18%	-	481.370	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	15% - 18%	-	-	-	2.000.000
			1.540.393	1.298.728	-	2.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- (i) Hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 26,25 triệu USD, tương đương 546.000 triệu VND (31/12/2011: 5 triệu USD, tương đương 104.140 triệu VND).
- (ii) Tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 666.963 triệu VND (31/12/2011: 367.466 triệu VND). Một phần của những tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 632.006 triệu VND (31/12/2011: 310.560 triệu VND) cũng được sử dụng để đảm bảo cho những khoản vay dài hạn tương ứng với các khoản đảm bảo được trình bày ở Thuyết minh 20.

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng vay với một công ty con để gia hạn thời gian đáo hạn của khoản vay 2.000 tỷ VND từ công ty con này từ 12 tháng lên 4 năm và do đó, khoản vay này được phân loại lại là khoản vay dài hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	535.785	202.630	-	-
Thuế giá trị gia tăng	39.626	41.071	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	11.446	14.810	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.126	11.580	-	2.159
Các loại thuế khác	7.910	21.268	-	3.034
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	608.893	291.359	-	5.193

18. Chi phí phải trả

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	139.125	177.364	-	-
Lãi vay phải trả	549.848	253.095	415.560	244.954
Chi phí trích trước cho hàng tồn kho đã mua	28.139	13.616	-	-
Chiết khấu hàng bán	41.188	69.876	-	-
Chi phí vận chuyển	30.615	29.703	-	-
Thưởng và lương tháng 13	98.624	50.755	-	1.470
Phí tư vấn	127.954	104.942	38.074	66.056
Phải trả cho xây dựng công trình	195.070	42.500	-	-
Thuế nhà thầu	31.183	33.273	10.013	27.217
Các khoản khác	59.185	49.260	7.828	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.300.931	824.384	471.475	339.697

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Phải trả khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Phải trả ngắn hạn khác				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	226	1.002	-	12
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	480	19.705	-	-
Chi phí lãi vay phải trả cho một công ty con	-	-	-	261.698
Phải trả khác	43.624	13.552	-	2
	44.330	34.259	-	261.712
Phải trả dài hạn khác				
Phải trả dài hạn	381.563	-	381.563	-
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	1.432.596	256.195
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 24(a))	356.269	-	356.269	-
	737.832	-	2.170.428	256.195

Phải trả dài hạn bao gồm khoản chi phí lãi gộp liên quan đến một số công cụ tài chính được trình bày trong Thuyết minh 24(a), và các khoản phải trả này không được đảm bảo và lần lượt phải trả theo định kỳ sáu tháng và định kỳ mười hai tháng từ ngày sử dụng các công cụ này.

Phải trả dài hạn khác của Công ty cho một công ty con là 1.432.596 triệu VND (31/12/2011: 256.195 triệu VND) bao gồm chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay dài hạn bằng VND là 4.000.000 triệu VND và phí duy trì hạn mức vay liên quan đến khoản vay dài hạn bằng USD tương đương với 2.246.400 triệu VND. Các khoản vay này không được đảm bảo và phải trả vào thời gian đáo hạn của các hợp đồng vay.

Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu thể hiện khoản nợ để phát hành thêm một lượng cổ phiếu không cố định như đã được trình bày trong Thuyết minh 24(a).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay dài hạn (a)	6.667.882	3.329.726	4.000.000	2.000.000
Hội phiếu nhận nợ (b)	2.855.764	2.855.764	-	-
Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi (c)	1.176.522	1.957.960	1.176.522	1.957.960
Trái phiếu có thể chuyển đổi có đảm bảo (d)	2.200.000	-	2.200.000	-
	12.900.168	8.143.450	7.376.522	3.957.960
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(252.991)	(733.669)	-	(630.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	12.647.177	7.409.781	7.376.522	3.327.960

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa/ năm	Năm đáo hạn	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
				31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
a. Vay dài hạn							
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	9,6%-20%	2014-2020	2.397.355	1.080.302	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	3,82%-10,15%	2014-2020	4.270.527	2.249.424	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	13%	2016	-	-	4.000.000	2.000.000
				6.667.882	3.329.726	4.000.000	2.000.000
b. Hội phiếu nhận nợ							
(b)	VND		2016-2017	2.855.764	2.855.764	-	-
c. Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi phát hành cho:							
TPG International Finance Corporation	(c.1)	VND	15%	2012	-	630.000	-
Jade Dragon (Mauritius) Limited	(c.2)	VND	8,0%-20,4%	2014-2016	608.562	760.000	608.562
	(c.3)	USD	2%-6%	2015	567.960	567.960	567.960
				1.176.522	1.957.960	1.176.522	1.957.960
d. Trái phiếu có thể chuyển đổi có đảm bảo							
	VND	11,25%-15%	2016	2.200.000	-	2.200.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản vay dài hạn gồm:
- (i) các khoản vay bằng VND là 418.597 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 632.006 triệu VND (31/12/2011: 310.560 triệu VND).
 - (ii) khoản vay bằng VND là 879.500 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản tương ứng hiện hữu và hình thành trong tương lai và quyền khai thác mỏ Núi Pháo. Thêm vào đó Công ty đã thế chấp 68.521.729 cổ phiếu Techcombank để đảm bảo cho khoản vay.
 - (iii) khoản vay bằng VND là 1.099.258 triệu VND và khoản vay bằng USD tương đương 360.127 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản tương ứng hiện hữu và hình thành trong tương lai và quyền khai thác mỏ Núi Pháo. Thêm vào đó Công ty đã thế chấp 69.321.837 cổ phiếu Techcombank để đảm bảo cho khoản vay.
 - (iv) khoản vay bằng USD từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) tương đương 1.664.000 triệu VND được đảm bảo bằng 275.748.141 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Ma San và 5.087.836 triệu VND vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San Thái Nguyên trong Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San Thái Nguyên. Khoản vay này cũng được Công ty đảm bảo.
 - (v) khoản vay bằng USD từ J.P. Morgan tương đương 2.246.400 triệu VND chịu lãi suất LIBOR cộng lãi suất biên 3,5% một năm trong năm đầu tiên, LIBOR cộng 7% một năm trong năm thứ hai và LIBOR cộng 10% một năm trong năm thứ ba sau khi giải ngân. Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả một lần vào ngày hết hạn.

Tập đoàn có quyền gia hạn khoản vay sau tháng thứ 12, 18, 24 và 30 dựa trên việc thanh toán phí gia hạn là 56.797 triệu VND đối với mỗi lần gia hạn. Hợp đồng vay này có hiệu lực trong 36 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San với giá trị ghi sổ là 879.023 triệu VND (31/12/2011: 679.023 triệu VND) và khoản đầu tư vào công ty liên kết được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vay dài hạn của Công ty bao gồm hai khoản vay bằng VND không được đảm bảo từ một công ty con là 4.000.000 triệu VND, các khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 13% một năm. Các khoản vay này lần lượt đáo hạn trong 4 và 5 năm kể từ ngày giải ngân. Số vốn gốc và lãi được trả vào ngày đáo hạn.

- (b) Hối phiếu nhận nợ phải trả vào ngày 23 tháng 9 năm 2016 và ngày 23 tháng 9 năm 2017 lần lượt là 237.980 triệu VND và 2.617.784 triệu VND, liên quan đến việc mua lại Công ty TNHH Khai thác Chế Biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) từ các quỹ và các công ty được quản lý và/hoặc sở hữu bởi Dragon Capital Group Limited (gọi chung là “Dragon Capital”) trong năm 2010. Các hối phiếu nhận nợ này được phát hành để mua lại NPM.

Ngoài các hối phiếu nhận nợ nêu trên, Tập đoàn đã phát hành các công cụ khác như là một phần của chi phí mua lại. Dưới đây là chi tiết tài chính và điều khoản thương mại của các công cụ đã phát hành. Các công cụ này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (i) **Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông của Công ty** - Công ty phát hành cho Dragon Capital quyền chọn mua 1.962.320 triệu VND cổ phiếu của Công ty với giá 65.915 VND mỗi cổ phiếu, tương đương 29.770.465 cổ phiếu của Công ty. Quyền chọn mua có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc cần trừ bằng hối phiếu nhận nợ do Dragon Capital quyết định. Dragon Capital có thể thực hiện quyền chọn này từ năm thứ ba kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2010 cho đến năm thứ năm. Công ty có thể yêu cầu Dragon Capital thực hiện việc chuyển đổi bất kỳ khi nào giá cổ phiếu của Công ty vượt mức 65.915 VND trong 15 ngày liên tục, khi đó Công ty có thể trả hối phiếu nhận nợ đã phát hành cho Dragon Capital hoặc là yêu cầu Dragon Capital thực hiện quyền chọn của mình.
- (ii) **Điều chỉnh quyền sở hữu tại MR** - Tập đoàn ký một thỏa thuận với Dragon Capital trong đó quy định Tập đoàn sẽ chuyển nhượng cho Dragon Capital tối đa là 12% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 12%) lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của Tập đoàn nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram tăng trên mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Đổi lại, Dragon Capital sẽ chuyển nhượng cho Tập đoàn tối đa 4% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4%) lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của Dragon Capital nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram giảm dưới mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Thỏa thuận này có thể được thực hiện mà không tính phí trong vòng 15 ngày kể từ ngày báo cáo kiểm toán của NPM được phát hành cho năm sau năm mà NPM sản xuất hơn 300.000 tấn chứa vonfram trioxit. Bất kỳ sự điều chỉnh tiềm tàng nào trong việc sở hữu của MR sẽ được bao gồm trong quyền chọn mua và các quyền chọn bán như mô tả trong thuyết minh dưới đây mà không tính đến bất kỳ điều chỉnh nào cho mức phí để thực hiện các quyền chọn trên .
- (iii) **Quyền chọn mua và quyền chọn bán cổ phiếu của MR** - Dragon Capital phát hành cho Tập đoàn quyền chọn mua toàn bộ phần sở hữu của Dragon Capital trong MR bằng tiền mặt trong vòng ba năm, mà nó sẽ tăng lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong MR từ 65% lên đến 80%. Giá mua được xác định theo từng quý trong vòng ba năm và dao động từ 1.164.320 triệu VND đến 1.710.000 triệu VND. Đổi lại, Công ty phát hành cho Dragon Capital quyền chọn bán toàn bộ phần sở hữu của Dragon Capital trong MR để mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với giá trị là 1.710.000 triệu VND trong vòng một tháng sau khi kết thúc giai đoạn ba năm kể trên tại mức giá 65.915 VND mỗi cổ phiếu.
- (c.1) Trái phiếu dài hạn phát hành cho TPG bao gồm (i) ba trái phiếu có thể chuyển đổi, với mệnh giá mỗi trái phiếu là 180.000 triệu VND, được phát hành cho Công ty TNHH TPG Star Masan, Công ty TNHH TPG Star Masan II, và Công ty TNHH TPG Star Masan III (được gọi chung là “TPG”); và (ii) trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 90.000 triệu VND phát hành cho Công ty TNHH TPG Star Masan.
- Các trái phiếu này có lãi suất là 15% một năm, tính cộng dồn hàng năm và phải trả khi trái phiếu đáo hạn. Tiền lãi không được trả nếu quyền chuyển đổi được thực hiện. Vào tháng 6 năm 2012, khoản trái phiếu này đã được chuyển đổi toàn bộ thành 30.922.285 cổ phiếu phát hành bởi Công ty.
- (c.2) Khoản vay này là khoản vay chuyển đổi, với số tiền gốc là 608.562 triệu VND (31/12/2011: 760.000 triệu VND) được ký với Công ty Tài chính Quốc tế (“IFC”), trong đó 38.562 triệu VND (31/12/2011: 190.000 triệu VND) có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay là 8% một năm từ ngày giải ngân đến ngày 15 tháng 4 năm 2012 và là 20,4% một năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày hết hạn cho phần khoản vay có thể được chuyển đổi. Lãi suất của khoản vay là 20,4% một năm cho phần khoản vay không được chuyển đổi từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày 15 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này đáo hạn ngày 15 tháng 4 năm 2016. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.
 - (ii) IFC có thể thực hiện quyền chọn để chuyển đổi ở mức tối đa là 190.000 triệu VND, trong tổng nợ gốc và có thể yêu cầu Công ty niêm yết các cổ phiếu chuyển đổi này. Có hai kỳ chuyển đổi: kỳ đầu tiên bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc sau 36 tháng sau ngày 31 tháng 5 năm 2010, kỳ chuyển đổi thứ hai bắt đầu từ sau 36 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Lãi vay phải trả sẽ tiếp tục được trích trước và phần thanh toán cho phần phụ trội sẽ được trả cho các khoản vay chuyển đổi nếu IFC không thực hiện quyền chuyển đổi trong kỳ chuyển đổi đầu tiên. IFC đã chuyển đổi 151.438 triệu VND thành 3.521.803 cổ phiếu phát hành bởi Công ty vào tháng 6 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, 38.562 triệu VND còn lại có thể chuyển đổi bởi IFC thành 896.802 cổ phiếu phổ thông vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.
 - (iii) Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San bảo lãnh cho khoản vay này. Khoản vay này được đảm bảo bởi 2.800.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San.
- (c.3) Khoản vay này từ Goldman Sachs Group, Inc. thông qua Công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited là khoản vay có thể chuyển đổi bằng Đô la Mỹ với nợ gốc là 30 triệu Đô la Mỹ.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2% một năm và 6% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4% một năm và 4% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6% một năm và 2% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm.
- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.
- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu.
- (iv) Tập đoàn còn ký kết một hợp đồng với Công ty Cổ phần Ma San mà theo đó Công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một khoản tiền mặt là 30 triệu USD cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (d) Khoản trái phiếu trị giá 2.200 tỷ VND được đảm bảo bằng 22,3 triệu trái phiếu chuyển đổi của Techcombank. Khoản trái phiếu trị giá 1.500 tỷ VND có mức lãi suất năm 15% và khoản trái phiếu 700 tỷ VND có mức lãi suất năm 15% trong sáu tháng đầu. Cho những giai đoạn tiếp theo, các khoản trái phiếu 700 tỷ VND này có mức lãi suất năm là 1% cộng lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn. Các khoản lãi được thanh toán theo định kỳ sáu tháng kể từ ngày phát hành. Công ty cũng phát hành quyền chọn mua cho phép trái chủ có thể chuyển đổi trái phiếu hoặc đăng ký mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá thực hiện là 100.000 VND hoặc 120.000 trên mỗi cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số cổ phiếu tối đa sẽ được phát hành là 33,8 triệu cổ phiếu.

Trong năm, Công ty và Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay nêu trên.

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Tập đoàn	
	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	8.564	4.552
Mua lại từ hợp nhất kinh doanh	-	2.805
Số trích lập dự phòng trong năm	731	1.855
Số sử dụng dự phòng trong năm	-	(648)
Dự phòng trả trong năm	(754)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(7.160)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.381	8.564

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã đóng góp 5.021 triệu VND (2011: 5.650 triệu VND) và Công ty đã đóng góp 21 triệu VND (2011: 39 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận như là một phần chi phí nhân công và nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	3.189	(9.062.082)	2.712.006	10.623.685	1.524.803	12.148.488
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	811.091	-	-	-	811.091	-	811.091
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	-	-	-	-	-	-	-	800.370	800.370
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	2.492.101	-	2.492.101	2.837.079	5.329.180
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(19.255)	-	-	(19.255)	(4.155)	(23.410)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.973.149	1.973.149	522.859	2.496.008
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.119)	(5.119)	(1.576)	(6.695)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiểu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23 và 24(c))	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-	-	-	-
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(c))	-	-	(4.104.160)	-	(530.235)	-	(4.634.395)	-	(4.634.395)
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ (Thuyết minh 23 và 20(c.1)(c.2))	344.440	439.025	-	-	-	-	783.465	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	-	411.000	-	411.000
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(a),(b))	-	-	1.721.824	-	-	-	1.721.824	-	1.721.824
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con (Thuyết minh 12(d)(i))	-	-	-	-	(22.447)	-	(22.447)	34.947	12.500
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại vốn cổ phần trong các công ty con (Thuyết minh 12(d)(ii))	-	-	-	-	(1.440.708)	-	(1.440.708)	(491.929)	(1.932.637)
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua thêm vốn cổ phần trong một công ty con của MSC (Thuyết minh 12(d)(iii))	-	-	-	-	(56.108)	-	(56.108)	(65.936)	(122.044)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(62)	-	-	(62)	(33)	(95)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.260.518	1.260.518	702.074	1.962.592
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(25.988)	(25.988)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(14.902)	(14.902)	(11.967)	(26.869)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của vốn chủ sở hữu Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	-	200.184	17.170.756
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	811.091	-	-	811.091
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(222.633)	(222.633)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	-	(22.449)	17.759.214
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	-	(22.449)	17.759.214
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23 và 24(c))	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(c))	-	-	(4.104.160)	(530.235)	-	(4.634.395)
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ (Thuyết minh 23 và 20(c.1)(c.2))	344.440	439.025	-	-	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	411.000
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(a),(b))	-	-	1.721.824	-	-	1.721.824
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(220.254)	(220.254)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(242.703)	15.820.854

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	687.280.123	6.872.801	515.272.269	5.152.723
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	687.280.123	6.872.801	515.272.269	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	-	7.999.167	-	2.166.136

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ vốn chủ sở hữu	96.463.766	964.638	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ	34.444.088	344.440	-	-
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	41.100.000	411.000	-	-
Số dư cuối năm	687.280.123	6.872.801	515.272.269	5.152.723

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

24. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu cố định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

Biến động của vốn khác của chủ sở hữu trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	154.393.705	10.462.804	143.579.160	9.651.713
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu để mua cổ phiếu của Techcombank	-	-	10.814.545	811.091
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu bằng tiền:				
• Hỗ trợ tín dụng từ công ty mẹ (a)	19.602.824	909.846	-	-
• Khoản vay bắt buộc chuyển đổi (b)	11.571.111	811.978	-	-
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu (c)	(57.929.939)	(4.104.160)	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông thông qua chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	(96.463.766)	(6.358.644)	-	-
Số dư cuối năm	31.173.935	1.721.824	154.393.705	10.462.804

(a) Hỗ trợ tín dụng từ công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng vay chuyển đổi 50 triệu USD (tương đương với số tiền là 1.041.400 triệu VND) với Richard Chandler Corporation thông qua Công ty Kairos Capital Limited và 30 triệu USD (tương đương với số tiền là 624.840 triệu VND) với Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRG Limited với thời hạn là bốn năm.

Để tăng cường mức tín nhiệm tín dụng của Công ty và hỗ trợ giao dịch tài chính, công ty mẹ ký các thỏa thuận với Công ty và bên cho vay, mà theo đó công ty mẹ sẽ chấp nhận mọi rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua cổ phiếu chuyển đổi và thanh toán trực tiếp số nợ gốc và khoản lãi vay hoãn lại cho các bên cho vay trong trường hợp các bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu. Công ty mẹ không nhận bất kỳ khoản tiền công hay lợi ích nào khác trong việc hỗ trợ này cho Công ty.

Bên cạnh đó, thỏa thuận này còn bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Các khoản vay chuyển đổi có lãi suất năm là 5% trong năm thứ nhất, 6% trong năm thứ hai và thứ ba, và 7% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi, lãi suất được thanh toán định kỳ sáu tháng một lần. Lãi suất hoãn lại 10% tương ứng với tỷ lệ hoàn vốn thực tế được thanh toán nếu quyền chuyển đổi không được thực hiện; và
- (ii) Cổ phiếu được phát hành khi chuyển đổi (“Cổ phiếu chuyển đổi”) có thể được xác định căn cứ vào giá chuyển đổi ban đầu là 85.000 một cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và các điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số lượng Cổ phiếu chuyển đổi tối đa sẽ là 25,6 triệu cổ phiếu. Số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu là 19,6 triệu cổ phiếu, được coi như một công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Khoản vay bắt buộc chuyển đổi

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng vay bắt buộc chuyển đổi với Richard Chandler Corporation thông qua Công ty Kairos Capital Limited với hạn mức là 50 triệu USD (tương đương với số tiền là 1.041.400 triệu VND) với kỳ hạn hai năm. Vào ngày đáo hạn, toàn bộ khoản nợ gốc chưa thanh toán bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Khoản vay chuyển đổi chịu lãi suất năm là 11%. Tất cả khoản thanh toán lãi bằng USD được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành tại ngày đến hạn hoặc các nguồn vốn khác; và
- (ii) Cổ phiếu phát hành để chuyển đổi (“Cổ phiếu Chuyển đổi”) được xác định dựa trên giá chuyển đổi là 90.000 VND một cổ phiếu. Vì khoản vay bắt buộc chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu nhất định vào cuối thời hạn hai năm, giá trị hợp lý của các cổ phiếu có thể phát hành được hạch toán như một công cụ vốn chủ sở hữu.

(c) Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu

Trong nửa cuối năm 2010 và nửa đầu năm 2011, Công ty đã phát hành công cụ vốn chủ sở hữu như một phần của giá mua trong cùng kỳ, do đó đã làm tăng lợi ích kinh tế của Công ty trong các công ty con và công ty liên kết. Trong quý II năm 2012, Công ty có thặng dư tiền và tìm thấy cơ hội để giảm thiểu khả năng suy giảm cổ phiếu toàn phần trong thị trường vốn suy yếu. Trong tháng 6 năm 2012, Công ty đã mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu mà theo đó Công ty sẽ phải phát hành 57.929.939 cổ phiếu phổ thông với giá mua là 4.634.395 triệu VND, tương đương 80.000 VND một cổ phiếu. Tại ngày đó, giá đóng cửa của cổ phiếu của Tập đoàn là 100.000 VND một cổ phiếu. Phần còn lại của công cụ vốn chủ sở hữu đã được chuyển đổi thành 96.463.766 cổ phiếu theo các điều khoản chuyển đổi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	10.575.021	7.238.994	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	228	9	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(150.243)	(119.856)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(35.592)	(62.298)	-	-
Doanh thu thuần	10.389.414	7.056.849	-	-

26. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	6.138.131	3.911.343	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	40.795	86.491	-	-
	6.178.926	3.997.834	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi từ:				
• Tiền gửi	760.585	917.948	204.082	138.407
• Đầu tư trái phiếu	28.604	75.265	28.604	75.265
• Cho công ty con vay	-	-	60.898	134.937
• Thu lại từ công ty mẹ	-	110.997	-	110.997
• Cho công ty mẹ vay	-	20.748	-	20.748
Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay từ các công ty con	-	-	927.988	121.755
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.687	54.598	67	43.475
Doanh thu tài chính khác	2.948	5.650	-	-
	809.824	1.185.206	1.221.639	645.584

28. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	140.468	153.847	-	-
• Các trái chủ	138.708	162.404	387.339	162.404
• Công ty con	-	-	568.281	416.887
Phí duy trì hạn mức vay trả cho các công ty con	-	-	346.421	121.755
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.913	19.273	3.399	8.646
Chi phí tài chính khác	20.296	12.201	20.304	7.965
	309.385	347.725	1.325.744	717.657

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thu từ bán phế liệu	20.630	12.499	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.023	2.406	-	-
Thu hồi chi phí từ công ty mẹ	142.244	-	142.244	-
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	18.977	-	-	-
Xóa sổ các khoản dự phòng	7.160	-	-	-
Thu nhập khác	23.483	7.264	209	-
	214.517	22.169	142.453	-

30. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2012	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí bán phế liệu	15.759	12.174	-	-
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định đã thanh lý	6.934	7.616	-	-
Phạt thuế	2.080	3.315	-	-
Chi phí khác	21.701	3.198	-	73
	46.474	26.303	-	73

31. (Lỗ)/lợi nhuận từ công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>	
	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận từ công ty liên kết	325.709	969.019
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(663.507)	(576.286)
	(337.798)	392.733

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	649.931	242.683	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	578	4.431	-	-
	650.509	247.114	-	-
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(124.579)	125.450	-	-
	525.930	372.564	-	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Tập đoàn

	2012		2011	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		2.488.522		2.868.572
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	25,00%	622.131	25,00%	717.143
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(11,48%)	(285.724)	(11,8%)	(338.558)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1,34%	33.302	1,37%	39.313
Ảnh hưởng của kết quả thuần từ công ty liên kết	3,39%	84.450	(3,42%)	(98.183)
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	2,86%	71.193	1,84%	52.739
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,02%	578	0,15%	4.431
Lợi ích từ lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây	-	-	(0,15%)	(4.321)
	21,13%	525.930	12,99%	372.564

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty

	2012		2011	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lỗ trước thuế		(220.254)		(222.633)
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	(25,00%)	(55.064)	(25,00%)	(55.658)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,42%	944	1,31%	2.921
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	24,57%	54.120	23,69%	52.737
	-	-	-	-

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế nhà thầu được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	123.974
	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	142.244	1.801
	Khoản cho công ty mẹ vay	-	715.000
	Thu nhập lãi vay từ công ty mẹ	-	20.748
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Ma San	Phí bảo trì	12.990	10.717
	Mua tài sản cố định	12	2.505
Công ty Cổ phần Bất động sản Masan	Phí dịch vụ	13.459	12.797
	Bán tài sản cố định	32	-
	Thu nhập từ cho thuê	-	91
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc	Cổ tức phải thu	64.000	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	33.972	48.286

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2012 và 2011.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty

Bên liên quan	Bản chất giao dịch	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế nhà thầu được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	123.974
	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	142.244	1.801
	Khoản cho công ty mẹ vay	-	715.000
	Thu nhập lãi vay từ công ty mẹ	-	20.748
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần	Khoản vay cấp cho công ty con	2.028.000	-
Hàng Tiêu Dùng Ma San	Khoản vay nhận từ công ty con	-	4.715.000
	Thu nhập lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn	60.898	-
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn	-	282.447
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay dài hạn	568.281	134.440
	Phí duy trì hạn mức vay	346.421	121.755
	Bán một công ty con cho một công ty con	10	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con	-	2.136.347
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	157.236	134.937
	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	346.421	121.755
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	424.332	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	6.306	4.985

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2012 và 2011.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.137.305	1.577.637	1.011	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	558.796	235.345	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.696.101	1.812.982	1.011	-

(b) Thuê

Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Trong vòng một năm	100.172	62.198	26.638	23.619
Từ hai đến năm năm	79.466	103.647	16.211	35.738
Trên năm năm	961	34.450	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	180.599	200.295	42.849	59.357

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

35. Thù lao bằng cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu của công ty con đã phát hành và sẽ phát hành cho nhân viên đối với công sức đóng góp như sau:

	2012	2011
Nhân viên	1.149.594	683.466
Thành viên Ban Giám đốc của một công ty con (không bao gồm số lượng nhân viên)	131.521	268.334

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công ty con của Công ty có cam kết phát hành 565.590 cổ phiếu (2011: 324.268 cổ phiếu) cho nhân viên đối với công sức đóng góp từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2012 và đã được bao gồm trong số cổ phiếu nêu trên.

Trước khi niêm yết, Công ty đã ký kết các hợp đồng quyền chọn mua cổ phiếu với Ban Giám đốc cho phép mua dựa trên một tỷ lệ phần trăm cổ phiếu suy giảm toàn phần. Những quyền chọn được phát hành cho Ban Giám đốc trước khi niêm yết cho việc thực hiện thành công việc tái cơ cấu và phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Các hợp đồng quyền chọn này đã được phê duyệt bởi cổ đông của Công ty vào ngày 9 tháng 10 năm 2009 và việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào các thỏa thuận của các hợp đồng quyền chọn này được phê duyệt sau đó bởi cổ đông của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2012. Những quyền chọn này đã được thực hiện toàn bộ và 5% cổ phiếu dựa trên mức suy giảm toàn phần đã được phát hành trong tháng 6 năm 2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

36. Quản lý rủi ro tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính khi khách hàng hay các đối tác liên quan không thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ theo hợp đồng đối với Tập đoàn và Công ty khi đến hạn.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng hoặc đối tác. Đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn giao dịch với các khách hàng bằng tiền theo điều kiện hợp đồng. Đối với những khách hàng có khả năng tín dụng tốt, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các hạn mức tín dụng. Tiền và các khoản tương đương tiền được gửi trong các tổ chức tài chính theo quy định. Các khoản đầu tư và giao dịch liên quan đến các công cụ tài chính phái sinh với các đối tác chỉ được cho phép thực hiện sau khi Ban Giám đốc đã xem xét. Ban Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tín dụng này, cũng như nghi ngờ khả năng hoàn trả của các tổ chức tín dụng nói trên.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện rủi ro tín dụng tối đa.

Tập đoàn và Công ty lập dự phòng phải thu khó đòi phản ánh ước tính lỗ phát sinh đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	1.084	705	-	-
Tăng dự phòng trong năm	143	379	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(832)	-	-	-
Hoàn nhập	(17)	-	-	-
Số dư cuối năm	378	1.084	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không có khoản dự phòng nợ khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (ngắn hạn và dài hạn) còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác trước khi trích lập dự phòng nợ khó đòi như sau:

	<u>Tập đoàn</u>				<u>Công ty</u>			
	31/12/2012		31/12/2011		31/12/2012		31/12/2011	
	Triệu VND Gộp	Triệu VND Lỗ giảm giá	Triệu VND Gộp	Triệu VND Lỗ giảm giá	Triệu VND Gộp	Triệu VND Lỗ giảm giá	Triệu VND Gộp	Triệu VND Lỗ giảm giá
Trong hạn	463.983	-	480.085	-	1.916.812	-	3.091.813	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	18.763	-	47.526	-	-	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.434	-	11.247	-	-	-	-	-
Quá hạn trên 180 ngày	4.801	(378)	1.910	(1.084)	-	-	-	-
	490.981	(378)	540.768	(1.084)	1.916.812	-	3.091.813	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn và Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất có thể rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, bất kể điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn, mà không phát sinh hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của Tập đoàn.

Thông thường Tập đoàn đảm bảo đủ lượng tiền mặt để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến, như thảm họa thiên nhiên.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn:

	Giá trị ghi số Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Vay ngắn hạn	1.540.393	(1.568.133)	(1.568.133)	-	-	-
Phải trả người bán	973.856	(973.856)	(973.856)	-	-	-
Phải trả người lao động	12.480	(12.480)	(12.480)	-	-	-
Chi phí phải trả	1.300.931	(1.300.931)	(1.300.931)	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	31.355	(31.355)	(31.355)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	7.049.445	(9.052.541)	(1.024.292)	(5.212.317)	(1.910.853)	(905.079)
Hối phiếu nhận nợ	2.855.764	(2.855.764)	-	-	(2.855.764)	-
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	3.376.522	(3.981.912)	(334.273)	(420.030)	(3.227.609)	-
	17.140.746	(19.776.972)	(5.245.320)	(5.632.347)	(7.994.226)	(905.079)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng			
			1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Vay ngắn hạn	1.298.728	(1.350.857)	(1.350.857)	-	-	-
Phải trả người bán	422.772	(422.772)	(422.772)	-	-	-
Phải trả người lao động	12.618	(12.618)	(12.618)	-	-	-
Chi phí phải trả	824.384	(824.384)	(824.384)	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	34.259	(34.259)	(34.259)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	3.329.726	(4.357.949)	(419.353)	(791.319)	(3.147.277)	-
Hối phiếu nhận nợ	2.855.764	(2.855.764)	-	-	(237.980)	(2.617.784)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	1.957.960	(2.133.346)	(993.611)	(452.506)	(687.229)	-
	10.736.211	(11.991.949)	(4.057.854)	(1.243.825)	(4.072.486)	(2.617.784)

Công ty:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng		
			1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Phải trả người bán	1.854	(1.854)	(1.854)	-	-
Chi phí phải trả	471.475	(471.475)	(471.475)	-	-
Vay và nợ dài hạn	5.814.159	(7.946.905)	-	(252.703)	(7.694.202)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	3.376.522	(3.981.912)	(334.273)	(420.030)	(3.227.609)
	9.664.010	(12.402.146)	(807.602)	(672.733)	(10.921.811)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị ghi số Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Vay và nợ ngắn hạn	2.000.000	(2.344.942)	(2.344.942)	-	-
Phải trả người bán	523	(523)	(523)	-	-
Chi phí phải trả	339.697	(339.697)	(339.697)	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	261.712	(261.712)	(261.712)	-	-
Vay và nợ dài hạn	2.256.195	(4.697.271)	-	-	(4.697.271)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	1.957.960	(2.133.346)	(993.611)	(452.506)	(687.229)
	6.816.087	(9.777.491)	(3.940.485)	(452.506)	(5.384.500)

Ban Giám đốc không kỳ vọng rằng các dòng tiền được trình bày trên bảng phân tích khả năng đáo hạn của Tập đoàn và Công ty có thể phát sinh sớm hơn một cách đáng kể hoặc có những giá trị chênh lệch đáng kể.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn và Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái đối với các giao dịch bán hàng, mua hàng và các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Loại tiền tệ sử dụng trong các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD), Đô la Úc (AUD), Euro (EUR) và Thai Baht (THB).

Trong năm 2011, Tập đoàn đã ký một hợp đồng kỳ hạn để quản lý rủi ro tỷ giá. Giá trị của hợp đồng là 10,46 triệu USD và đáo hạn trong năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn không có bất kỳ hợp đồng kỳ hạn nào để quản lý rủi ro tỷ giá.

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn là đảm bảo cho mức độ rủi ro hối đoái thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc tham gia các hợp đồng mua bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay để xử lý việc thiếu hụt hay thặng dư tiền tệ trong ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tập đoàn và Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

	Tập đoàn				Công ty
	USD	AUD	EUR	THB	USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.860.335	-	4.947	-	66.367.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	1.029.798	-	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-	31.635.370
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(19.271.699)	(2.579.577)	(568.090)	(53.186.433)	(11.464.445)
Vay và nợ dài hạn (***)	(223.626.890)	-	-	-	(41.512.356)
	(73.008.456)	(2.579.577)	(563.143)	(53.186.433)	45.026.123

	Tập đoàn			Công ty
	USD	AUD	EUR	USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.370.528	-	1.284.391	9.590.493
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	780.537	-	1.392.000	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	6.036.164
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(6.469.551)	(856.620)	(1.093.544)	(2.565.697)
Vay và nợ ngắn hạn	(73.755)	-	-	-
Vay dài hạn	(108.000.000)	-	-	(6.036.164)
	(3.392.241)	(856.620)	1.582.847	7.024.796

(*) *Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm khoản phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.*

(**) *Phải trả người bán và phải trả khác gồm khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.*

(***) *Vay và nợ dài hạn gồm vay dài hạn và nợ dài hạn khác.*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Bảng sau đây trình bày những tỷ giá hối đoái chính áp dụng bởi Tập đoàn và Công ty:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2012 VND	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2011 VND	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2012 VND	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2011 VND
USD1	20.800	20.828	20.811	20.828
AUD1	21.520	21.772	-	-
EUR1	27.398	27.700	-	-
THB1	663	-	-	-

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và lỗ trước thuế của Công ty thông qua sự mạnh lên của các loại tiền tệ sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các yếu tố khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	<u>Tập đoàn</u> Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2012 Triệu VND	<u>Công ty</u> Giảm lỗ trước thuế tại 31/12/2012 Triệu VND
USD (1%)	(15.168)	9.370
AUD (1%)	(555)	-
EUR (1%)	(154)	-
THB (1%)	(353)	-
	(16.248)	9.370

	<u>Tập đoàn</u> Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2011 Triệu VND	<u>Công ty</u> Giảm lỗ trước thuế tại 31/12/2011 Triệu VND
USD (10%)	9.597	14.631
AUD (3%)	(560)	-
EUR (1%)	438	-
	9.475	14.631

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Rủi ro lãi suất

Mức biến động lãi suất của Tập đoàn và Công ty chủ yếu liên quan đến tài sản tài chính và nợ phải trả có lãi suất thả nổi. Rủi ro lãi suất được quản lý bởi Tập đoàn và Công ty trên cơ sở liên tục với mục tiêu chính là giảm thiểu chi phí lãi vay có khả năng chịu ảnh hưởng bởi các biến động bất lợi về lãi suất.

Tập đoàn và Công ty không sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro biến động về lãi suất đối với các khoản vay chịu lãi suất.

Tại ngày báo cáo, tình hình lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn và Công ty như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ chịu lãi suất cố định				
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 6)	5.567.512	9.397.876	2.150.542	1.487.452
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 12)	1.840.500	1.222.500	68.000	373.000
Phải thu dài hạn từ một công ty con (Thuyết minh 7)	-	-	-	2.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12)	365.500	-	-	-
Khoản vay từ một công ty con vay – ngắn hạn (Thuyết minh 16)	-	-	-	(2.000.000)
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)	-	(358.884)	-	-
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	(3.556.021)	(2.607.960)	(6.676.522)	(1.957.960)
Khoản vay từ một công ty con – dài hạn (Thuyết minh 20)	-	-	-	(2.000.000)
	4.217.491	7.653.532	(4.457.980)	(2.097.508)
Công cụ chịu lãi suất thả nổi				
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 6)	146.553	172.913	6.687	22.852
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)	(1.540.393)	(939.844)	-	-
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	(6.488.383)	(2.679.726)	(700.000)	-
	(7.882.223)	(3.446.657)	(693.313)	22.852

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ chịu lãi suất dao động

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 78.822 triệu VND lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và tăng 6.933 triệu VND lỗ trước thuế của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Ước tính giá trị hợp lý

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và nợ phải trả tài chính khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính ngắn hạn của các công cụ này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

Tập đoàn và Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ tài chính

Bảng sau đây tóm tắt giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ tài chính cùng được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phân loại của Thông tư 210 như sau:

Tập đoàn:

	Thuyết minh	Năm giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Đầu tư ngắn hạn	12	1.840.500	-	-	-	1.840.500
Đầu tư dài hạn khác	12	365.500	-	-	-	365.500
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)		-	-	467.445	-	467.445
Phải thu dài hạn khác	7	-	-	23.158	-	23.158
Tiền và các khoản tương đương tiền	6	-	-	5.714.065	-	5.714.065
		2.206.000	-	6.204.668	-	8.410.668
Vay ngắn hạn	16	-	-	-	(1.540.393)	(1.540.393)
Vay và nợ dài hạn (***)	19, 20	-	(356.269)	-	(7.049.445)	(7.405.714)
Hối phiếu nhận nợ	20	-	-	-	(2.855.764)	(2.855.764)
Trái phiếu/khoản vay chuyển đổi	20	-	-	-	(3.376.522)	(3.376.522)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	-	(2.318.622)	(2.318.622)
		-	(356.269)	-	(17.140.746)	(17.497.015)
	Thuyết minh	Năm giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Đầu tư ngắn hạn	12	1.222.500	-	-	-	1.222.500
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	7	-	-	539.684	-	539.684
Tiền và các khoản tương đương tiền	6	-	-	9.570.789	-	9.570.789
		1.222.500	10.110.473	-	-	11.332.973
Vay và nợ ngắn hạn	16	-	-	(1.298.728)	-	(1.298.728)
Vay và nợ dài hạn (***)	19, 20	-	-	(3.329.726)	-	(3.329.726)
Hối phiếu nhận nợ	20	-	-	(2.855.764)	-	(2.855.764)
Trái phiếu/khoản vay chuyển đổi	20	-	-	(1.957.960)	-	(1.957.960)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	(1.294.033)	-	(1.294.033)
		-	-	(10.736.211)	-	(10.736.211)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

37. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

(i) Phát hành cổ phiếu mới bởi công ty con

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, Kohlberg Kravis Roberts thông qua Công ty KKR Ma San Aggregator L.P. đã mua cổ phiếu mới do Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, một công ty con của Công ty, phát hành tương đương 4,348% cổ phiếu đang lưu hành sau khi phát hành 109 triệu USD và phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện khác trong thỏa thuận.

(ii) Việc mua các đơn vị mới

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2013, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San đã ký hợp đồng mua 24,9% cổ phần của công ty nước uống đóng chai, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”) từ một cổ đông hiện hữu của Vĩnh Hảo bằng tiền với giá 85.000 VND một cổ phiếu. Sau đó, lợi ích kinh tế của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San trong Vĩnh Hảo đã tăng từ 24,9% lên 63,51% từ kết quả của việc mua thêm 38,61% cổ phần của Vĩnh Hảo từ các cổ đông khác với mức giá 85.000 VND một cổ phiếu.

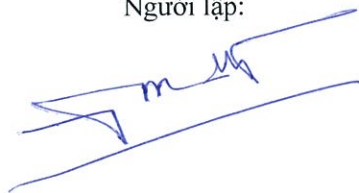
Sau ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã cung cấp số tiền là 252 tỷ VND để mua một công ty bia thông qua các công ty con.

(iii) Giao dịch với cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, BI Private Equity New Markets II K/S, một công ty đầu tư được quản lý bởi BankInvest, đã mua cổ phiếu ưu đãi bắt buộc chuyển đổi của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San, một công ty con của Công ty, với tổng số tiền là 521 tỷ VND. Giá mua một cổ phiếu là 32.744 VND. Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc chuyển đổi này sẽ được thanh toán cổ tức từ 3% đến 10% một năm trên tổng số tiền đầu tư và bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong vòng 4 năm.

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Eric